TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 254/2024/HS-ST
Ngày: 25/12/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà bà: Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân ông Nguyễn Bá Lý và bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ;

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà bà Lê Thị Nhớ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 238/2024/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2024/QĐXXST-HS ngày 10/12/2024, đối với bị cáo:

Trần Thị Mỹ P (tên gọi khác: Phương L), giới tính: Nữ, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1984, tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT: tổ F, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện tại: số nhà D L, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1950 và bà: Võ Thị V, sinh năm: 1955; bị cáo có chồng là Thân Văn H (đã ly hôn), bị cáo chưa có con;

Tiền án: Tại bản án số 10/2018/HSST, ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử tuyên phạt 05 năm 06 tháng tù, về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy*"* (theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017); chấp hành án tại Trại giam G - Bộ C1; ngày 21/5/2022, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Thị Mỹ P bị tạm giữ từ ngày 05/8/2024, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người tham gia tố tụng khác:

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ C, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; (Vắng mặt).

2. Người chứng kiến: Ông Hàn Ngọc B, sinh năm: 1954; địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Mỹ P sử dụng ma tuý loại Methamphetamine từ khoảng thời gian tháng 3/2018. Thông qua bạn bè ngoài xã hội, P có được số điện thoại của đối tượng nam thanh niên tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) có bán ma túy ở khu vực ngã tư phường Y, thành phố P. Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 25/7/2024, P gọi điện thoại cho T2 hỏi mua ma túy đá với giá 3.000.000 đồng, T2 đồng ý và hẹn gặp nhau tại trước cổng nhà của P ở số D đường L, Tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T2 đến chỗ hẹn và P đã mua của T2 3.000.000 đồng được 14 gói nilon chứa ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, P mang vào trong phòng ngủ và đã sử dụng hết 01 gói; còn lại 13 gói, P cất vào trong ví bằng vải để trong túi quần, với mục đích để sử dụng dần cho bản thân. Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 05/8/2024, khi P đang ở tại số nhà D đường L, Tổ B, phường T, thành phố P, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy – Công an thành phố P phối hợp với Công an phường T, kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ trong túi quần bên phải của P đang mặc 01 ví bằng vải bên trong có 13 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định).

Qua trưng cầu, tại bản Kết luận giám định số 743/KL-KTHS ngày 13 tháng 8 năm 2024 của phòng K - Công an tỉnh G, kết luận: "*Chất màu trắng dạng tinh thể trong 13 gói nilon được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục mẫu cần giám định) là ma túy loại Methamphentamine, có khối lượng 2,2813 gam".*

Tại bản cáo trạng số: 250/CT-VKS, ngày 12/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu đã truy tố bị cáo: Trần Thị Mỹ P ra trước Toà án nhân dân thành phố PleiKu để xét xử về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo mà bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ P từ 02(hai) năm 06(sáu) tháng đến 03(ba) năm tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".* Bị cáo P không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vật chứng vụ án đã thu giữ của bị cáo gồm: Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 743/PC09 ngày 13/8/2024 có dấu niêm phong của phòng K - Công an tỉnh G; 01 ví bằng vải; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi màu trắng kèm sim số (mặt sim có dãy số 89840 2000 11129716773) và

01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh nhạt kèm sim số (mặt sim có dãy số 89840 2000 11185364583).

Đề nghị tịch thu tiêu huỷ vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 bì công văn ghi số 743/PC09 ngày 13/8/2024 và một ví bằng vải. Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua ma túy, cần tịch thu sung công; riêng 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo P.

Bị cáo Trần Thị Mỹ P đã nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị Mỹ P tại phiên toà phù hợp với lời khai người chứng kiến, kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Bị cáo Trần Thị Mỹ P là người có sử dụng chất ma túy. Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 05/8/2024, tại số nhà D đường L, Tổ B, phường T, thành phố P, khi bị cáo đang tàng trữ: 2,2813 gam ma túy loại Methamphentamine với mục đích để sử dụng cho bản thân, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp với Công an phường phường T, bắt quả tang. Hành vi tàng trữ ma túy loại Methamphentamine của bị cáo P, đã phạm vào vào tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...".

Tại bản án số 10/2018/HSST ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tuyên phạt bị cáo Trần Thị Mỹ P 05 năm 06 tháng tù, về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy*"* sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo trở về địa phương chưa được xoá án tích, nhưng lại tiếp tục phạm tội đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng khi quyết định hình phạt.

Để có một mức án phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo không tu chí làm ăn lương thiện mà lại tiếp tục tàng trữ **2,2813 gam** Methamphetamine, như vậy khoảng thời gian đi chấp hành án đã tuyên tại bản án số 10/2018/HSST ngày 02/10/2018 bị cáo không nhận thức để trở thành người có ích cho xã hội. Bị cáo P lại một lần nữa xem thường pháp luật, tiếp tục tàng trữ trái phép ma túy loại Methamphetamine, khi sử dụng ma tuý bị cáo cũng nhận thức được tính nguy hiểm của Methamphetamine nó là tác nhân gây nguy hại lớn cho sức khoẻ của con người "người sử dụng sẽ gặp ảo giác, hủy hoại trí óc và cơ thể" đây cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tình trạng tội phạm, nguy hiểm cho xã hội. Cần xử lý nghiêm cách ly bị cáo Trần Thị Mỹ P ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[3] Bị cáo P không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Đối với đối tượng tên T2 mà bị cáo P khai đã bán ma túy. Do bị cáo P không biết được nhân thân, lai lịch của đối tượng này; Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ, nhật ký của 2 chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo P nhưng do sau khi liên lạc bị cáo đã xóa nhật ký, nên không xác định được số điện thoại và nội dung liên quan nên chưa có cơ sở để điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[5] Đối với anh Trần Minh T1 (sinh năm 1978; là anh ruột của bị cáo P) đã cho bị cáo ở nhờ tại căn nhà số D đường L, Tổ B, phường T, TP ., nhưng việc bị cáo P cất giấu ma túy và sử dụng ma túy tại nhà thì anh T1 hoàn toàn không biết, nên không có đủ căn cứ để xử lý.

[6]. Xử lý vật chứng vụ án đã thu giữ trong quá trình điều tra:

-Vật chứng không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì công văn ghi số 743/PC09 ngày 13/8/2024, có dấu niêm phong của phòng K - Công an tỉnh G là mẫu vật hoàn trả sau khi giám định và 01(một) ví bằng vải.

-Tịch thu sung công: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xiaomi màu trắng kèm sim số (mặt sim có dãy số 89840 2000 11129716773) bị cáo đã sử dụng để làm phương tiện liên lạc tàng trữ ma tuý.

-Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh nhạt kèm sim số (mặt sim có dãy số 89840 2000 11185364583) không liên quan đến hành vi phạm tội tàng trữ ma tuý, cần tuyên trả lại cho bị cáo P.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Mỹ P (tên gọi khác Phương L) phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ P 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **05/8/2024** bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu tiêu hủy, vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 (một) bì công văn ghi số 743/PC09 ngày 13/8/2024, có dấu niêm phong của phòng K - Công an tỉnh G và 01(một) ví bằng vải (cũ, đã qua sử dụng).

+ Tịch thu sung công: 01(một) điện thoại di động hiệu Xiaomi màu trắng kèm sim số (mặt sim có dãy số 89840 2000 11129716773). *(Điện thoại cũ, vỡ ốp lưng, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong).*

+ Trả lại cho bị cáo: 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh nhạt kèm sim số (mặt sim có dãy số 89840 2000 11185364583). *(Điện thoại cũ, vỡ ốp lưng, đã qua sử dụng, Chi cục THADS không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong).*

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số: 26/2025, ngày 19/11/2024 của Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án Dân Sự thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ P phải nộp 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

-Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày, bị cáo có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án (25/12/2024) để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngà

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *Công an TP PleiKu;*
- *VKS NDTP PleiKu;*
- *Chi cục THA D.S TP Pleiku;*
- *Bị cáo và NTGTT;*
- *Lưu HS.*